

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2020/DS-ST

Ngày: 07/8/2020

V/v: “Tranh chấp
hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trúc Việt

2. Ông Nguyễn Hoàng Phúc

-Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn-thư ký tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà La Thị Thuý Vi-Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 về việc “*tranh chấp hợp đồng góp hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị T, sinh năm 1975 (có mặt)

Ngụ tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

Bị đơn: Trương Thị Bích T1, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Ngụ tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đặng Thanh H, sinh năm 1963 (chồng bà T1) (vắng mặt)

Ngụ tại: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Bà có tham gia vô hui do bà T1 làm chủ hui ở ấp A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre cụ thể: Hui 2.00.000 đồng khai ngày 06/7/2017 âm lịch nhằm ngày 27/8/2017 dương lịch, mỗi tháng khai một lần, bà tham gia chơi 5 dây, mỗi dây 30 phần đến lúc bà Thủy vỡ hui bà đã đóng được 18.075.000 đồng. Hui 2.000.000 đồng khai ngày 01/9/2017 âm lịch nhằm ngày 20/10/2017 dương lịch, mỗi tháng khai một lần, bà vô hai dây(mỗi dây có 21 phần) mỗi dây bà chơi một phần, khi bà Thủy vỡ hui bà đã đóng được 28.700.000 đồng. Hui 1.00.000 đồng khai ngày 15/02/2018 âm lịch mỗi tháng khai hai lần vào ngày 15 và 30, bà vô 20 dây mỗi dây 30 phần, mỗi dây bà tham gia

chơi một phần. khi vỡ hụi bà đã đóng được 10.500.000 đồng. Hụi 500.000 đồng khai ngày 10/01/2017 âm lịch, bà vô 4 dây(mỗi dây 21 phần) khi vỡ hụi bà đã đóng được 28.520.000 đồng. Hụi 100.000 đồng khai ngày 25/4/2018 âm lịch một tháng khai 2 lần vào ngày 10 và 25 âm lịch, bà vô 10 dây(mỗi dây 30 phần) đến ngày vỡ hụi bà đã đóng 1.450.000 đồng. Tổng cộng bà Thuỷ nợ tiền hụi của bà là 87.245.000 đồng. Bà Thuỷ đã trả trước 1.350.000 đồng. Ngày 10/7/2018 bà Thuỷ có viết giấy thừa nhận còn nợ hụi bà số tiền 85.895.000 đồng.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị Bích T1 cùng chồng là Đặng Thanh H phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền hụi là 85.895.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trương Thị Bích T1 cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh H được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ tại tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự, thủ tục về tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đảm bảo việc xét xử vô tư, khách quan. Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành tốt theo việc triệu tập của tòa án. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trương Thị Bích T1 cùng ông Đặng Thanh H liên đới trả cho bà Lê Thị T số tiền hụi là 85.895.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi nên ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Giữa bà Lê Thị T và bà Trương Thị Bích T1 có giao dịch về chơi hụi với nhau do bà T1 là chủ hụi, ông Đặng Thanh H là chồng của bà T1, hiện tại còn hôn nhân hợp pháp với bà T1, do bà T1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trong quá trình chơi hụi nên bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 cùng chồng có trách nhiệm trả tiền hụi cho bà T, đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi giữa nguyên đơn là bà Lê Thị T với bị đơn bà Trương Thị Bích T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Thanh H thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án.

Bị đơn bà Trương Thị Bích T1 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa nên tòa giải quyết và xét xử vắng mặt bà T1, ông H là phù hợp quy định.

[2]Về nội dung:

Nguyên đơn bà Lê Thị T yêu cầu bị đơn bà Trương Thị Bích T1 cùng chồng là ông Đặng Thanh H có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền nợ hui là 85.895.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ cho yêu cầu của nguyên đơn là tờ giấy tay xác nhận số tiền nợ hui do bà T1 viết, nguyên đơn cung cấp cho tòa.

Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

Theo lời trình bày của nguyên đơn cũng như quá trình xác minh và thu thập chứng cứ thì bà Trương Thị Bích T1 là chủ hui ở địa phương, vào năm 2018 giữa bà Lê Thị T và bà Trương Thị Bích T1 có giao dịch chơi hui và nhiều hui viên khác nữa. Vào tháng 7 năm 2018 bà T1 bị bế hui, sau khi bế hui thì bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền hui cho những người chơi hui. Đối với bà T, giữa bà T1 và bà T có giao dịch hui viên và chủ hui, sau khi bế hui thì bà T1 viết giấy tay xác nhận lại số tiền nợ hui đối với bà T là 85.895.000 đồng.

Xét tờ giấy tay nợ hui do nguyên đơn cung cấp thấy rằng: Tờ giấy tay này do chính bà T1 viết và ký. Qua kết quả trưng cầu giám định chữ viết và chữ ký tại giấy thiếu tiền hui ngày 10/7/2018 thì xác định đúng là chữ viết và chữ ký của bà Trương Thị Bích T1. Bà T cũng khởi kiện yêu cầu đúng số tiền theo tờ giấy tay là 85.895.000 đồng, bà T yêu cầu bà T1 cùng chồng liên đới trả cho bà số tiền hui là 85.895.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Xét trách nhiệm liên đới của ông Đặng Thanh H với bà Trương Thị Bích T1 thấy rằng: quá trình giao dịch hui do bà T1 làm chủ diễn ra lúc bà T1 và ông H còn hôn nhân hợp pháp, hiện tại bà T1 và ông H vẫn còn là vợ chồng, qua kết quả xác minh thì cho thấy bà T1 tham gia các giao dịch hui vì mục đích kinh tế chung của gia đình, chứ bà không làm ăn riêng hay tách bạch kinh tế với chồng. Vì vậy, ông H có trách nhiệm liên đới cùng bà T1 trả nợ là phù hợp quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp và các chứng cứ do tòa thu thập có đủ căn cứ để buộc bị đơn bà Trương Thị Bích T1 cùng chồng liên đới trả cho bà T số tiền nợ hui là 85.895.000 đồng vì vậy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà T không yêu cầu tính lãi, đây là sự tự nguyện nên ghi nhận.

Về chi phí giám định trong vụ án với số tiền 900.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải có trách nhiệm chịu số tiền chi phí giám định này, bà T1 phải có nghĩa vụ trả lại cho bà T số tiền này là phù hợp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trương Thị Bích T1 cùng chồng là ông Đặng Thanh H có trách nhiệm liên đới chịu án phí theo quy định với số tiền là 4.295.000 đồng.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định 144/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hui, biêu, phườg; Điều 227 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án:

Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T đối với bị đơn bà Trương Thị Bích T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Thanh H về việc kiện đòi lại số tiền nợ hui là 85.895.000 đồng.

Buộc bà Trương Thị Bích T1 cùng ông Đặng Thanh H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị T số tiền hui 85.895.000 đồng (tám mươi lăm triệu tám trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

Ghi nhận bà T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Về chi phí tố tụng: Buộc bà Trương Thị Bích T1 trả lại cho bà Lê Thị T số tiền 900.000 (chín trăm ngàn) đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trương Thị Bích T1 và ông Đặng Thanh H liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.295.000 (bốn triệu hai trăm chín mươi lăm ngàn) đồng.

Hoàn lại toàn bộ tạm ứng án phí cho bà Lê Thị T số tiền 2.149.000 (hai triệu một trăm bốn mươi chín ngàn) đồng theo biên lai thu số 0009931 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T1 và ông H chưa thi hành xong số tiền trên thì bà T1, ông H phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh